

Số: 06 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2023

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
của tỉnh Đồng Nai

Năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Trong nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu, sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư,... nhưng bắt đầu có những chuyển biến tích cực, nhờ việc triển khai có hiệu quả, kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ trên địa bàn tỉnh.

Năm 2024, dự báo bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, tình hình thế giới, khu vực biến động không ngừng, ngày càng khó lường hơn; các tổ chức quốc tế phải thường xuyên điều chỉnh dự báo để phù hợp với tình hình thực tế. Trong nước và tỉnh, tình hình kinh - tế xã hội vẫn còn những hạn chế, khó khăn; trong đó năng lực sản xuất, chất lượng tăng trưởng, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ,... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi chung doanh nghiệp) tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026 với yêu cầu, nhiệm vụ nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

I. Yêu cầu

1. Đối với đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được thông qua tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 của tỉnh Đồng Nai.

b) Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2023, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023; đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính,

quốc phòng, an ninh,...; có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2022 và các năm trước dịch Covid-19; các tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ các nguyên nhân (chủ quan và khách quan); các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ những biến động mạnh của tình hình thế giới.

c) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Đánh giá cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, bám sát các nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nêu tại Nghị quyết, trong đó, làm rõ các kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm rút ra; trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cần tập trung thực hiện; khả năng giải ngân thực hiện các chính sách thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đến hết năm 2023.

2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

a) Kế hoạch của tỉnh phải xây dựng bám sát các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

b) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo pháp luật về quy hoạch, chiến lược và kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận; cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo sự kế thừa những thành quả đã đạt được, có sự đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như bảo đảm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực và địa phương: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi địa bàn tỉnh, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

II. Nội dung chủ yếu

Các sở, ngành và địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, các sở, ngành, doanh nghiệp và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2023, so sánh với kết quả thực hiện năm 2022 và thời điểm trước dịch Covid-19), những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá xung đột quân sự Nga - Ucraina tình hình lạm phát, tài chính, tín dụng, ngân hàng,..., suy giảm kinh tế toàn cầu, hệ lụy sâu, rộng, kéo dài của dịch Covid-19, tình hình sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút FDI, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản, thiên tai, dịch bệnh mới phát sinh; đánh giá kết quả thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển KTXH tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ..., cụ thể:

a) Các sở, ban, ngành đánh giá Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 08/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2023 của tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Trong đó, báo cáo đầy đủ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết nêu trên theo Đề cương báo cáo và mẫu Phụ lục kèm theo.

b) UBND các huyện, thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và HĐND thành phố, huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

2. Nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, các nước chủ trọng tự chủ chiến lược, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Trong nước và tỉnh, tình hình chính trị - xã hội tiếp tục ổn định, tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập khẩu... được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực khi tình hình thế giới được cải thiện, thuận lợi hơn; đồng thời việc triển khai áp dụng và thực hiện các chính sách được sửa đổi, bổ sung và ban hành từ đầu năm đến nay đã và đang phát huy tác động tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế đối mặt với ngày càng nhiều khó khăn, thách thức; khối lượng công việc xử lý ngày càng nhiều, nặng nề hơn; bên cạnh những nhiệm vụ thường xuyên tăng lên,

vừa phải tiếp tục xử lý những khó khăn, bất cập trong nội tại nền kinh tế đã tồn đọng, tích tụ nhiều năm, vừa phải ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh,... Trong bối cảnh đó, các sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ukraine, các xu hướng, mô hình phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,..., sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các vấn đề về dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt đến tỉnh Đồng Nai...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

c) Mục tiêu chủ yếu: Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp, căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng hợp lý và phù hợp; một số chỉ tiêu cơ bản tại Phụ lục kèm theo và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp cho năm 2024.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các sở, ban, ngành và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2024, bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2024, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, gồm:

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Hội đồng Nhân dân tỉnh về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó tập trung đẩy nhanh thực hiện các Chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ đột phá.

- Tập trung thực hiện hiệu quả các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế khả thi, hiệu quả, trong đó tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; tăng cường công tác phổ biến, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư; đẩy mạnh, triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng; xây dựng, phát triển đô thị theo đúng định hướng, phù hợp với vị trí, chức năng của từng vùng.

- Triển khai có hiệu quả các mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII thông qua tại Hội nghị lần thứ 5 và thứ 6 về: nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn

mới; về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các định hướng, nhiệm vụ giải pháp các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, thị trường thế giới, khu vực, trong nước để kịp thời tham mưu UBND tỉnh có các giải pháp phù hợp, điều hành phát triển các ngành, lĩnh vực đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả. Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại, các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, tích cực đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân về tín dụng, đặc biệt tín dụng ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ. Thực hiện các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong tiếp cận vốn tín dụng; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, nhất là lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, các chuỗi cung ứng; phấn đấu thặng dư thương mại bền vững.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình của Chính phủ, Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; quản lý và sử dụng đất. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và thi hành án; chú trọng công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy nhanh tiến độ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tỉnh Đồng Nai được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương giao đối với các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên vùng của tỉnh, như dự án Đường Vành Đai 3, dự án Cao tốc Biên Hòa - Vũng tàu. Đồng thời, chú trọng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công trình, trọng điểm của tỉnh, đặc biệt là các dự án chống ngập, các dự án cấp nước,... Tiếp tục phát triển hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn,...

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và nhu cầu thị trường lao động, như: Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh (KCN Long Đức và KCN Amata tại Long Thành,...) có sử dụng công nghệ nguồn ứng dụng công nghệ 4.0 đã và đang đầu tư tại Đồng Nai. Tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài về các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy nghề theo chuẩn quốc tế, đánh giá kỹ năng người học theo chuẩn đầu ra. Triển khai đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 73/QĐ-

TTg ngày 10 tháng 02 năm 2023 về quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh; triển khai hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả và không hình thức, trước hết là trong hệ thống hành chính nhà nước; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024-2026

Năm 2024 là năm thứ 4 thực hiện mục tiêu của các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 -2025 về phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, vay, trả nợ công và đầu tư công trung hạn và cũng là năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025. Theo đó, mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 là: Xây dựng và tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần ổn định kinh tế, đẩy nhanh thực hiện các công trình đầu tư hạ tầng quan trọng, kết nối vùng và liên vùng, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của HĐND, Trung ương.

Nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2024

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023 cũng như dự toán năm 2024. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tăng, giảm thu ngân sách khi Chính phủ thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với nhà đầu tư nước ngoài. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo

các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW) và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW). Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng trọng tâm, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2024 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2023; cương quyết khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng

Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

(i) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(ii) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có);

(iii) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn tham gia vào các dự án PPP, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(iv) Bố trí đủ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(v) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2024 và không có khả năng gia hạn.

(vi) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

b) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

d) Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thì không bố trí chi thường xuyên để thực hiện, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

e) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: Các cơ quan cấp tỉnh và địa phương hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

g) Trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023, lũy kế số đã thực hiện 03 năm 2021-2023, dự kiến lộ trình thực hiện trong cả giai đoạn 2021-2025, số kiểm tra 03 năm 2023-2025 đã được thông báo và cơ chế tài chính thực hiện đã được phê duyệt, các cơ quan cấp tỉnh chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2024 của từng chương trình chi tiết theo từng cơ quan cấp tỉnh và từng địa phương, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên theo từng lĩnh vực chi NSNN, theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, khả năng giải ngân, tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công và pháp luật có liên quan.

h) Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

i) Chi viện trợ từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch thỏa thuận, hợp tác hằng năm và hiệp định hợp tác song phương cả giai đoạn 2021-2025 với các nước nhận vốn viện trợ của Việt Nam (nếu có) và khả năng cân đối NSNN năm 2024, tổng mức viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ triển khai chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ, khả năng phát sinh các khoản viện trợ đột xuất trong năm.

k) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công: Các cơ quan cấp tỉnh, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

l) Đối với các nhiệm vụ, dự án dự kiến bố trí từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước: Trên cơ sở dự toán thu phải nộp NSNN (sau khi trừ chi phí liên quan), lập dự toán chi đầu tư phát triển, được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật, dự kiến số vốn bố trí chi tiết cho từng dự án để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15.

3. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc nguồn thu NSNN

Việc xây dựng dự toán thu/chi NSNN năm 2024 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023; hồ sơ, văn kiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, tiến độ triển khai thực tế của các khoản viện trợ, khả năng phát sinh và thực hiện các khoản viện trợ mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần phân định rõ tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu quản lý.

4. Xây dựng dự toán Ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm 1, 2 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP các cấp năm 2024 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phân đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2024 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương:

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp tại điểm a nêu trên, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên xác định bằng số được giao năm 2023 (nếu có), số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (phần còn thiếu giữa nhu cầu kinh phí thực hiện cho cả 12 tháng năm 2024 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương). Căn cứ

mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2023 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

c) Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSDP

- Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công; đánh giá thực hiện năm 2023 và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; xây dựng dự toán chi ĐTPT năm 2024, chi tiết nguồn cân đối NSDP, bao gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có); dự toán chi các dự án sử dụng nguồn vốn ngoài nước (vốn vay, vốn viện trợ), trên cơ sở đó bố trí đủ vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư vốn NSDP năm 2024 theo quy định, bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó lưu ý: Ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Bố trí kinh phí để thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Các địa phương ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

d) Dự toán chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Xây dựng dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay

(nếu có), gồm: nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, tín dụng phát triển, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

đ) Đối với bố trí bổ sung quỹ dự trữ tài chính của địa phương: xác định bằng số được giao trong dự toán năm 2023.

e) Dự toán chi thường xuyên của NSDP

Phần còn lại của dự toán NSDP (sau khi đã bố trí chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSDP; chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác; bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng ngân sách địa phương) được bố trí chi thường xuyên của NSDP. Các địa phương thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2023, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có).

Các địa phương lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo thực tế điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2024 theo lộ trình.

g) Dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP:

Việc xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của NSDP thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

- Ngân sách cấp tỉnh chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Trên cơ sở mức dư nợ của NSDP ước đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, nhu cầu vay vốn cho ĐTPT năm 2024 và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP, các địa phương phải đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương không vượt quá mức dư nợ tối đa theo chế độ quy định;

- Các địa phương chủ động bố trí chi trả nợ gốc từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, đồng thời đảm bảo dư nợ NSDP trong giới hạn theo quy định.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024-2026

Trên cơ sở triển khai thực hiện các quy định về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn

2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Nghị quyết 43/2022/QH15; nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chỉ thường xuyên NSNN và dự kiến khả năng thực hiện năm 2023, dự toán NSNN năm 2024:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh; trong đó, giả định năm 2026 là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được.

2. Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

III. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Trên cơ sở các nội dung về đánh giá giữa kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành và địa phương cập nhật, bổ sung tình hình, số liệu, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong 2,5 năm kế hoạch, những thuận lợi, khó khăn, đánh giá khả năng thực hiện so với mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết nghị, trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị giải pháp trong 02 năm còn lại để hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch 5 năm trong giai đoạn 2021-2025.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

2. Cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và dự ước cả năm 2023. Trên cơ sở đó xây dựng các chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Đối với chỉ tiêu GRDP của tỉnh, Cục Thống kê tỉnh chủ động phối hợp với các Sở ngành cung cấp kịp thời các thông tin về chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực của tỉnh cho Tổng Cục Thống kê để phục vụ cho việc xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng, năm và xây dựng kế hoạch năm 2024 của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan

Các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2023, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, lưu ý quá

trình đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2023 phải phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh để rà soát, thống nhất về số liệu ước thực hiện năm 2023 làm cơ sở để xây dựng kế hoạch năm 2024.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Các Công ty, Tổng công ty có vốn nhà nước trực thuộc tỉnh: Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch 2024 của đơn vị mình cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Tiến độ xây dựng kế hoạch

a) Trước ngày 20/7/2023 các sở, ban, ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch đầu tư công năm 2024; gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Trước ngày 26/7/2023: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch đầu tư công năm 2024; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách nhà nước báo cáo UBND tỉnh thông qua nội dung báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

c) Từ tháng 9/2023 đến ngày 10/10/2023: Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2023 để rà soát, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương có mục tiêu để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan hoàn chỉnh báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 25/10/2023** để xem xét trình HĐND tỉnh.

d) Sau khi nhận được Quyết định giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương cho địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 vào tháng 12/2023.

đ) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở tỉnh và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024-2026

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2024, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; hướng dẫn nội dung đánh giá giữa kỳ kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025; phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, địa phương hoàn thiện Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, tổng hợp báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Sở Nội vụ: Căn cứ Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh về quản lý biên chế khối chính quyền địa phương giai đoạn 2022-2026, Sở Nội vụ, các cơ quan cấp tỉnh và địa phương khẩn trương xác định biên chế năm 2024 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chi thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kiểm toán khu vực III;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh ;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



Phụ lục

DANH GIẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH THEO NGHỊ QUYẾT TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NĂM 2023; DỰ KIẾN CHỈ TIÊU NĂM 2024

(Kèm theo Chỉ thị số 06 /CT-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT		Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan báo bảo	
				Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá			
I Về kinh tế (05 chỉ tiêu)											
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng so với năm 2022		%							Cục Thống kê tỉnh	
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt		Triệu đồng/người							Cục Thống kê tỉnh	
3	Kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2022		%							Sở Công thương, Cục Thống kê tỉnh	
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng		1.000 tỷ đồng							Cục Thống kê tỉnh	
5	Tổng thu ngân sách		Tỷ đồng							Sở Tài chính	
II Về môi trường (03 chỉ tiêu)											
Thu gom và xử lý chất thải y tế			%							Sở Tài nguyên và Môi trường	
Thu gom và xử lý chất thải nguy hại			%								
Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại			%								
Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt			%								
Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường			%								
7	Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường		%							Sở Tài nguyên và Môi trường	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan báo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá		
8	Duy trì tỷ lệ che phủ cây xanh	%							Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng	%							
III Về an sinh - xã hội (14 chỉ tiêu)									
9	Phần đầu trong năm 2023 toàn tỉnh có thêm:								Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã							
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã							
	Huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao.	Huyện							
10	Giảm tỷ lệ hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A	%							Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
11	Duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới	%							
12	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt	%							Sở Y tế
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%							
13	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm	%							Sở Y tế
14	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm	%							Sở Y tế
15	Số Bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ							Sở Y tế

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan bảo báo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá		
	Số giường bệnh/vận dân	Giường							
16	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế
17	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt	%							Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
18	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt	%							
19	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn							Sở Xây dựng
20	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn								
	Dân số đô thị đạt	%							Sở Xây dựng
	Dân số nông thôn đạt	%							Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
21	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt	%							Sở Thông tin và Truyền thông
22	Phấn đấu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt	%							
	Phấn đấu tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt	%							Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan báo báo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá		
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt	%							
IV Các chỉ tiêu văn hóa, giáo dục- đào tạo (02 chỉ tiêu)									
23	Tỷ lệ ấp (khu phố) đạt chuẩn văn hóa	%							Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%							
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%							
	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%							
	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả	%							
24	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả	%							Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%							
	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%							
V	Về quốc phòng, an ninh- trật tự an toàn xã hội và cấp độ an toàn thông tin cơ quan nhà nước (07 chỉ tiêu)								
25	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao								Bộ chỉ huy

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan báo bảo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá		
26	Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch								quân sự tỉnh
27	Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an Nhân dân năm 2023, trong đó:								Công an tỉnh
	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội (trừ tội phạm đánh bạc)								
	Phát hiện và xử lý tội phạm ma túy								
	Số vụ số người chết, số người bị thương do tai nạn giao thông, trong đó:								
	- Số vụ								
	- Số người chết								
	- Số người bị thương								

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023					Dự kiến năm 2024	Cơ quan báo báo
			Mục tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện năm 2023 với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá		
28	Tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, xử lý								Công an tỉnh
	Tỷ lệ giải quyết đạt								
29	Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt								Công an tỉnh
	Trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt								
30	Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Tổng Cục Thi hành án dân sự giao trong năm 2023								Cục Thi hành án Dân sự tỉnh
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về việc								
	- Chỉ tiêu thi hành án dân sự về tiền								
31	Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan Nhà nước được phê duyệt theo cấp độ an toàn								Sở Thông tin và Truyền thông